

CHỈ TIÊU BÁO CÁO THÁNG 8/ NĂM 2022

(Từ ngày 01 tháng 08 năm 2022 đến ngày 31 tháng 08 năm 2022)

(Ban hành kèm theo quyết định số: 691/QĐ-CSVN ngày 15 tháng 12 năm 2011)

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch năm	Thực hiện trong tháng	Lũy kế đến cuối kỳ	Thực hiện cùng kỳ năm trước	So sánh cùng kỳ năm trước (%)	So sánh với kế hoạch năm (%)
1	2	3	4	5	6	7	8 = 6/7	9 = 6/4
I	SẢN PHẨM CHÍNH							
1	Diện tích cao su	Ha						
1.1	Diện tích tái canh	"	393,89	12,92	395,95	459,48		
1.2	Diện tích phục hoang	"	393,89	0	395,95	459,48		
1.3	Diện tích cao su thực hiện thanh lý		526,92	42,78	395,95	459		75,1
2	Sản lượng cao su	Tấn	13.200	1.637,1	7.931,7	8.155,6	97,3	60,1
2.1	Sản lượng khai thác	"	8.895	1.297,1	5.987,0	6.375,6	93,9	67,3
2.2	Sản lượng thu mua	"	3.000	340,0	1.944,7	1.780,0	109,3	64,8
	Nhượng quyền khai thác	"	1.305					
2.3	Sản lượng chế biến	"	12.500	1.619,9	7.961,6	8.657,3	92,0	63,7
2.3.1	Sản lượng gia công cho bên ngoài	"		168,5	428,2	648,7	66,0	
2.3.2	Cao su tự khai thác và thu mua	"	12.000	1.451,4	7.533,4	8.008,6	94,1	62,8
a	SVR CV 50, 60	"	100	39,4	646,9	1.181,5	54,8	646,9
b	SVR 3L, 5	"	4.900	415,3	1.882,1	1.485,4	126,7	38,4
c	SVR 10, 20	"	1.400	175,5	1.260,2	1.660,8	75,9	90,0
d	RSS3	"	950	229,2	884,2	812,7	108,8	93,1
e	RSS5	"	150	4,3	17,0	13,2	128,8	11,3
f	Ly tâm (quy DRC 100%)	"	4.500	585,6	2.714,2	2.733,8	99,3	60,3
g	Ngoại hạng	"		2,1	128,8	121,2		
2.4	Sản lượng tiêu thụ	"	12.000	1.223,8	7.004,9	7.509,8	93,3	58,4
2.4.1	Xuất khẩu	"	4.000	488,0	2.016,9	2.584,4	78,0	50,4

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch năm	Thực hiện trong tháng	Lũy kế đến cuối kỳ	Thực hiện cùng kỳ năm trước	So sánh cùng kỳ năm trước (%)	So sánh với kế hoạch năm (%)
a	Trực tiếp	"	4.000	488,0	2.016,9	2.544,0	79,3	50,4
b	Ủy thác qua Tập đoàn	"	0	0,0	0,0	40,3		
2.4.2	Nội tiêu	"	8.000	735,8	4.988,0	4.925,4	101,3	62,4
	Trong đó: Bán trong nội bộ Tập đoàn							
2.5	Sản lượng tồn kho cuối kỳ	"	1.377		2.226,3	1.214,9	183,2	161,7
3	Chế biến gỗ							
3.1	Diện tích cao su TL được phân bổ	ha	450	0,0	101,5			22,6
	Trong đó: DT khai thác	ha	450	34,9	298,9			66,4
	Khai thác gỗ cao su thanh lý	m ³	59.300	2.643,2	25.897,5			
3.2	Sản lượng sản xuất trong kỳ	m ³	17.700	7.739,3	7.739,3			43,7
	Sản lượng gỗ phôi SX trong kỳ	m ³	17.700	7.739,3	7.739,3			43,7
	Trong đó: phôi cao su SX trong kỳ	m ³	17.700	7.739,3	7.739,3			43,7
3.3	Sản lượng tiêu thụ trong kỳ	m ³	18.244	334,5	7.799,5			42,8
	Sản lượng gỗ phôi tiêu thụ trong kỳ	m ³	18.244	334,5	7.799,5			42,8
1	Giá bán cao su bình quân	Tr đồng/tấn	38,83	39,55	42,17	43,81	96,2	108,6
1.1	Xuất khẩu và ủy thác xuất khẩu	"	40,25	41,36	43,38	44,06	98,5	107,8
-	Nguyên tệ quy ra USD		1.750	1.779	1.771	1.924	92,1	101,2
1.2	Nội tiêu	Tr đồng/tấn	38,11	38,3	41,7	43,7	95,4	109,4
2	Kim ngạch XK cao su quy theo USD	USD	7.000.000	868.025	3.804.297	4.971.059	76,5	54,3
	Trong đó: Thực thu bằng nhân dân tệ	CNY						
3	Doanh thu tiêu thụ cao su, dịch vụ	Tr đồng	908.661	75.448	489.536	455.163	107,6	53,9
3.1	Mù cao su	"	465.900	49.068	303.496	337.353	90,0	65,1
3.1.1	Cao su khai thác và sản phẩm phụ	Tr đồng	352.650	37.352	239.439	260.809	91,8	67,9
3.1.2	Cao su thu mua	Tr đồng	113.250	11.717	64.057	76.544	83,7	56,6
3.2	Tài chính, cây cao su, khác	"	306.820	21.883	116.543	83.537	139,5	38,0
3.3	Doanh thu gỗ cao su	"	135.941	4.497	69.497	34.273		51,1
4	Lợi nhuận gộp về sản xuất kinh doanh	Tr đồng	325.760	3.321	112.200	90.722	123,7	34,4
	Trong đó: Lợi nhuận SXKD cao su	"	47.855	2.112	19.612	31.943	61,4	41,0
5	Nộp ngân sách	Tr đồng	105.237	1.654	78.288	58.584	133,6	74,4

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch năm	Thực hiện trong tháng	Lũy kế đến cuối kỳ	Thực hiện cùng kỳ năm trước	So sánh cùng kỳ năm trước (%)	So sánh với kế hoạch năm (%)
5.1	Thuế GTGT	"	16.000	1.654	13.654	12.221	111,7	85,3
5.2	Thuế thu nhập doanh nghiệp	"	65.152	0	45.000	20.815	216,2	69,1
5.3	Thuế nhập khẩu	"	0			356		
5.4	Tiền thuê đất	"	21.000	0	17.000	23.310	72,9	81,0
5.5	Thuế thu nhập cá nhân	"	3.000	0	2.575	1.810	142,3	85,8
5.6	Thuế tài nguyên	"		0	20	44		
5.7	Thuế khác	"	85	0	39	29	134	45,9

PHÒNG KẾ HOẠCH

Nơi nhận:

- Ban KHDĐT-Tập đoàn
- BGĐ Công ty
- Các phòng ban công ty
- Lưu: VT, KH

Bình Phước, ngày 08 tháng 9 năm 2022

TỔNG GIÁM ĐỐC



Hồ Cường